TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2024/DSST
Ngày: 16/5/2024
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trương Ngươn;**
2. Bà **Nguyễn Thị Nhàn;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang: Ông **Ngô Bảo Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2023/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- N đơn: Lê Thị N, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 81, tổ 2, ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, N đơn chị Lê Thị N có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày:

Năm 2022, chị và chị M quen biết do làm ăn chung với chồng chị M là anh Dai Chuan Jian là người Trung Quốc, nên vợ chồng chị M có vay của chị tiền để vợ chồng chị M trả tiền nhân công, mỗi lần cho vay chị đều chuyển qua tài khoản của chị M tại Ngân hàng Sacombank, Vietinbank tổng số tiền vay là 1.650.000.000 đồng, nhưng do chị không chứng minh được anh Dai Chuan Jian có cùng nhận tiền với chị M và anh Jian và chị M hiện nay cũng không phải là vợ chồng. Nên chị N xác định yêu cầu chị M trả tiền 1.650.000.000 đồng mà chị M đã nhận cho chị N một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, chị không trình bày gì khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đưa ra lập luận, đánh giá chứng cứ và đề nghị Hôi đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh M vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] *Về nội dung*: Chị Lê Thị N yêu cầu chị Nguyễn Thị Huỳnh M trả lại cho chị số tiền nợ là 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), yêu cầu trả tiền 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị M có số tài khoản 102874557061 mở tại Ngân hàng công thương được Ngân hàng công thương xác nhận, đồng thời chị M cũng có số tài khoản 070085530427 mở tại Ngân hàng Sài Gòn thương tín được Ngân hàng Sài Gòn thương xác nhận. Chị N có chuyển khoản qua hai số tài khoản trên của chị M từ ngày 22/5/2022 đến ngày 22/7/2022 với tổng số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) từ tài khoản của chị N 1016516448 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội. Việc chị N chuyển tiền cho chị M đều có sao kê của các Ngân hàng nơi chị M mở tài khoản do Tòa án thu thập được. Do đó, có cơ sở xác định chị N đã chuyển tiền cho chị M với tổng số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) thông qua các số tài khoản của chị M. Mặc dù trong nội dung chuyển khoản không có ghi nội dung chị N chuyển tiền cho chị M với giao dịch gì, nhưng trong suốt quá trình tố tụng, chị M vắng mặt không đến Tòa án mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị N, chứng tỏ chị M đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của chị N. Như vậy, chị N yêu cầu chị M trả 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời hạn trả nợ: Chị N yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh M nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị N số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Huỳnh M có nghĩa vụ nộp 61.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011676 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.